

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TÂY NINH  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 19/5/2021  
V/v: *Tranh chấp ly hôn,  
nuôi con.*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Duyên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Trần Tấn Phát**.

2/ Bà **Huỳnh Thị Kim Oanh**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Vũ Thị Thùy Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà **Khổng Thị Thu** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **LÊ THỊ B K**, sinh năm 1985 - (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà HKB/B (số mới NM), Hẻm BB, đường B L, khu phố N T, phường N S, thành phố T N, tỉnh Tây Ninh.

**- Bị đơn:** Anh **ĐỖ T L**, sinh năm 1982 - (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà HKB/B (số mới NM), Hẻm BB, đường B L, khu phố N T, phường N S, thành phố T N, tỉnh Tây Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 12 năm 2020 và lời trình bày của chị Lê Thị B K thể hiện như sau:**

Về hôn nhân: Chị Lê Thị B K và anh Đỗ T L tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T Đ, huyện G D, tỉnh Tây Ninh ngày 06/10/2009. Sau khi tổ chức đám cưới vợ chồng sống chung nhà của mẹ chồng thời

gian khoảng 01 năm thì mẹ chồng bán nhà, sau đó vợ chồng về ở nhờ trên đất của cha mẹ ruột chị cho đến nay. Trong thời gian chung sống do anh L không lo làm ăn mà thường xuyên uống rượu, về nhà kiếm chuyện đánh đập, chửi mắng, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị, do đó vợ chồng không có hạnh phúc. Trong năm 2020 chị Khánh đã 02 lần nộp đơn ly hôn, do anh L năn nỉ, hứa sửa đổi, nên chị rút đơn, nhưng sau đó anh L vẫn không thay đổi tính tình, hiện nay anh L đã nghiện rượu. Chị K đã về nhà mẹ ruột ở, sống ly thân với anh L khoảng hơn 05 tháng nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, nên chị K yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Đỗ N M, sinh ngày 05/6/2005 và Đỗ Thị N T, sinh ngày 20/10/2006. Sau khi ly hôn chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại biên bản xác minh Trưởng Ban quản lý khu phố N T cung cấp thông tin như sau:** Hiện nay anh Đỗ T L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà HKB/B (số mới NM), Hẻm BB, đường B L, khu phố N T, phường N S, thành phố T N, tỉnh Tây Ninh nhưng anh L ít có mặt ở nhà. Tòa án nhiều lần triệu tập anh L theo thủ tục niêm yết công khai nhưng anh L không lần nào có mặt nên không thu thập được lời khai của anh L.

**Tại phiên tòa, chị K vẫn giữ nguyên ý kiến; anh L vắng mặt không có lý do.**

**\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T N:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K đối với anh L; giao 02 con chung Đỗ N M, sinh ngày 05/6/2005 và Đỗ Thị N T, sinh ngày 20/10/2006 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận chị K không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung ghi nhận chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Anh Đỗ T L là bị đơn trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ hai lần đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2] Về nội dung vụ án:**

Chị Lê Thị B K và anh Đỗ T L tự nguyện chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong thời gian chung sống do anh L không đi làm kiếm tiền để lo cho cuộc sống gia đình mà thường xuyên uống rượu, kiếm chuyện đánh đập, chửi mắng, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị K, do đó vợ chồng không có hạnh phúc. Chị K đã hai lần rút đơn xin ly hôn, cho anh L cơ hội sửa đổi nhưng anh L vẫn không thay đổi gì. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị K đối với anh L là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Xét thấy Đỗ N M và Đỗ Thị N T đang sống chung với chị K và đều có nguyện vọng sống chung với mẹ, nên cần giao cháu M và cháu T cho chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp, ghi nhận chị K không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Khánh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T N là có cơ sở chấp nhận.**

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

**1.** Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị B K đối với anh Đỗ T L. Chị K và anh L không còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

- Về con chung: Giao chị Lê Thị B K trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng Đỗ N M, sinh ngày 05/6/2005 và Đỗ Thị N T, sinh ngày 20/10/2006, ghi nhận chị K không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Anh L có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.** Về án phí: Chị Lê Thị B K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị K đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001079 ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T N, tỉnh Tây Ninh, chị K đã nộp xong án phí.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Báo cho chị Lê Thị B K biết được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Đỗ Tấn L vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TP.Tây Ninh;
- Chi cục THA DS TP.Tây Ninh;
- **UBND xã Thạnh Đức;**
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ VP-(D).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Lê Thị Duyên**